

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Gói thầu 02-VT : Mua kiềng và máng hứng mù
- Nhiệm vụ: Mua kiềng và máng hứng mù các loại.
- Địa điểm cung cấp: kho tại các Đội sản xuất thuộc công ty CP cao su Phước Hoà
- Nguồn vốn: Vốn giá thành năm 2026.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các hàng hóa, sản phẩm đáp ứng đúng quy cách sản phẩm và đáp ứng các đặc tính kỹ thuật, chất lượng của hàng hóa. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các yêu cầu về quy cách sản phẩm, đặc tính kỹ thuật, chất lượng của hàng hóa... thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

2.1. Đặc tính, thông số kỹ thuật

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính kỹ thuật
1	Kiềng kê chén	- Làm bằng Thép sợi đường kính $\geq 2,4$ mm, thép loại CT3, CT4 có độ cứng, không nối, đường kính vòng thân 14,5 cm, đo 2 đường kính vuông góc, chênh lệch không quá 2%, chân kiềng dài 10 cm \pm 0.5cm, khoảng cách 2 chân kiềng 6 cm, độ dài 2 chân bằng nhau, góc nở đều. Trọng lượng 100 cái \geq 3 kg. Kiềng được cột thành từng xâu, mỗi xâu 100 cái.
2	Máng dẫn mù 7cm (không đục lỗ)	Chất liệu tole nguyên, dài 7 cm (tính từ đầu răng), có 8 răng, chiều cao răng 2,5 – 3mm, độ dày máng 0,45 - 0,5mm, sơn 2 mặt hoặc xi 2 mặt, đầu răng 2,8 - 3 cm, đầu nhỏ 1,7 - 1,8 cm.
3	Máng dẫn mù 7 cm (có đục lỗ)	- Chất liệu tole nguyên, dài 7 cm (tính từ đầu răng), có 8 răng, chiều cao răng 2,5 – 3mm, độ dày máng 0,45 - 0,5mm, sơn 2 mặt hoặc xi 2 mặt, đầu răng 2,8 - 3 cm, đầu nhỏ 1,7 - 1,8 cm.

		- Máng có đục lỗ đường kính 4mm trên thành máng (không đục lỗ giữa lòng máng) cách răng 1,5-2cm.
4	Máng dẫn mù 10 cm (không đục lỗ)	- Chất liệu tole nguyên, dài 10 cm (tính từ đầu răng), có 8 răng, độ dày máng 0,45 -0,5mm sơn 2 mặt hoặc xi 2 mặt, đầu răng 3 cm, đầu nhỏ 1,7-1,8 cm.
5	Máng dẫn mù 10 cm (có đục lỗ)	- Chất liệu tole nguyên, dài 10 cm (tính từ đầu răng), có 8 răng, độ dày máng 0,45 -0,5mm sơn 2 mặt hoặc xi 2 mặt, đầu răng 3 cm, đầu nhỏ 1,7-1,8 cm. - Máng có đục lỗ đường kính 4mm trên thành máng (không đục lỗ giữa lòng máng) cách răng 1,5-2cm.

2.2 Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa

- Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hóa phù hợp với yêu cầu phạm vi cung cấp với đầy đủ thông số kỹ thuật, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ.
 - Hàng hóa cung cấp có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, đầy đủ ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm theo qui định hiện hành;
 - Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu kỹ thuật: Catalogue của Nhà sản xuất để chứng minh chất lượng của hàng hóa, các thông số kỹ thuật, phù hợp hoặc tốt hơn so với yêu cầu của E-HSMT.
 - Đối với hàng hóa sản xuất hoặc gia công trong nước: bản gốc hoặc Bản chứng thực bản sao đúng với bản gốc: giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng.
 - Đối với hàng hóa nhập khẩu: bản gốc hoặc Bản sao y công ty khi có yêu cầu của chủ đầu tư
- + Giấy Chứng nhận xuất xứ (C/O).
 - + Giấy Chứng nhận chất lượng (C/Q).
 - + Giấy phép nhập khẩu (nếu có); tờ khai hải quan; danh sách đóng gói (có xác nhận sao y bản chính do công ty nhập khẩu xác nhận).

Lưu ý:

Tài liệu kỹ thuật hàng hóa có thể là tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Nếu sử dụng ngôn ngữ khác thì các tài liệu nêu trên phải được dịch ra tiếng Việt

3. Biện pháp bảo đảm chất lượng

- Nhà thầu tham gia dự thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, khối lượng hàng hoá nêu tại bảng phạm vi cung cấp hàng hóa thuộc Mẫu số 01A (webform trên Hệ thống) chương IV của E-HSMT;

- Hàng hóa cung cấp phải là hàng mới sản xuất, chưa qua sử dụng, và có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, không nhập lậu, hàng kém chất lượng. Có hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt nếu là hàng hóa nhập khẩu.

4. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì

- Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hoá như sau:

+ Trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng, nếu chủ đầu tư phát hiện các khuyết tật của hàng hóa là do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải đổi hàng theo đúng yêu cầu kỹ thuật bằng kinh phí của mình

+ Thu hồi hàng hóa không đảm bảo chất lượng trong quá trình sử dụng và đổi hàng hóa có chất lượng tương đương cho Công ty CP Cao su Phước Hòa trong vòng 07 ngày.

+ Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hoá trong thời hạn bảo hành: thời hạn nhà thầu phải tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, hàng bị lỗi... sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư là 48 giờ, chi phí khắc phục các hư hỏng, khuyết tật là nhà thầu phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục.

5. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Kiểm tra quy cách và số lượng hàng hóa mỗi đợt giao hàng.
- Kiểm tra chất lượng hàng hóa.
- Kiểm tra thông số kỹ thuật của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT và bàn giao, nghiệm thu đưa vào sử dụng.
- Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ lấy 10 mẫu thử ngẫu nhiên để tiến hành một số kiểm tra

- Khi thử nghiệm kiểm tra, trường hợp hàng không đảm bảo các yêu cầu trên thì Hội đồng nghiệm thu sẽ lập biên bản trả lô hàng đó lại cho Nhà thầu mà không chịu bất cứ một chi phí phát sinh nào;

- Trong quá trình kiểm tra và thử nghiệm, nếu Chủ đầu tư có sự nghi ngờ về chất lượng hàng hóa, sản phẩm của nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư có thể giao cho một đơn vị độc lập có chức năng để tiến hành đánh giá, kiểm tra, thử nghiệm. Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ các chi phí có liên quan nếu bị kết luận chất lượng hàng hóa, sản phẩm do nhà thầu cung cấp không đáp ứng yêu cầu theo quy định của E-HSMT và hợp đồng đã ký kết, nhà thầu phải cung cấp hàng hóa thay thế đảm bảo chất lượng cho chủ đầu tư.

6. Các yêu cầu khác

- Hàng hóa phải được cung cấp trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và được giao tại kho các đội sản xuất của Công ty CP Cao su Phước Hòa.

- Các yêu cầu khác về hàng hoá, dịch vụ: Chi phí bốc xếp hàng hóa 2 đầu do nhà thầu chịu.